



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ
VÀ TIN HỌC VIỆT NAM
0100103351

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **207** BC/ĐT-KHĐT

Hà nội, ngày 20 tháng 06 năm 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kết quả hoạt động đạt được năm 2021 của Tổng công ty tăng cao so với năm 2020 về cả chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận. Mặc dù đợt bùng phát mạnh dịch Covid lần thứ 4 gây ra nhiều khó khăn và thiệt hại cho nền kinh tế nói chung, ảnh hưởng nhiều tới hoạt động đầu thầu, kinh doanh liên tục tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên nói riêng nhưng do áp dụng đồng bộ một số giải pháp chủ động đối phó, một phần từ thực tiễn dịch năm 2020 nên kết quả thực hiện năm 2021 đạt / vượt so với kế hoạch năm. Cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt 161% so với năm 2020 và đạt 139% so với kế hoạch năm 2021.
- Tổng chi phí tăng so với thực hiện năm 2020 (110%) chủ yếu do chi phí giá vốn và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng theo tỷ trọng doanh thu đạt được.
- + Chi phí giá vốn tăng so với thực hiện 2020 tương ứng với mức tăng của doanh thu.
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 tăng so với thực hiện 2020 do Tổng công ty đã thực hiện chi các phần chi phí quản lý doanh nghiệp (lương, BHXH, BHYT, BHTN, chi phí quản lý khác...) tương ứng với kết quả thực tế đạt được trong sản xuất kinh doanh, tuân thủ các quy chế hiện hành. Năm 2021, Tổng công ty đã thực hiện việc sắp xếp, tuyển dụng, điều chỉnh một số vị trí nhân sự đặc biệt chú trọng vào các Ban trực tiếp Kinh doanh, góp phần đạt được kết quả SXKD như nêu trên.
- Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 4,34 tỷ đồng, bằng 144,8% kế hoạch năm. Trong đó lợi nhuận từ hoạt động trực tiếp

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất		125	156,16	630,12
a)	Sản phẩm 1				
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	143	174,28	641,02
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	3	4,34	4,01
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		4,34	1,18
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng		14,83	69,38
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			

7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người		77	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng		13,52	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng		3,5	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng		10,05	

Lưu ý:

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia.							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
----	------------------	-----------------------	--	------------------------	---------------------	--------------------------------	------------------------------	-----------------------------	---	----------------------------

1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1										
1.2										
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty cổ phần Viettronics Tân Bình	119,82	66,54	224,38	151,03	8,17	8,28	9,98	24,27	44,66
2.2	Công ty cổ phần Viettronics Thủ Đức	69	66,93	68,17	17,25	-0,15	-0,15		5,55	28,09
2.3	Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa	29	14,79	27,75	71,19	1,39	1,39		9,67	6,68
2.4	Công ty cổ phần Điện tử Biên Hòa	60	30,60	77,67	25,26	9,03	7,15	3,06	5,38	12,47
2.5	Công ty cổ phần Công trình Viettronics	18,3	13	44,05	34,13	-0,63	-0,63		3,66	31,38
2.6	Công ty cổ phần Viettronics Công Nghiệp	29,80	27,55	22,81	0,25	-0,54	-0,54		0,03	21,26

